TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do– Hạnh phúc**
Số: 03/2020/QĐST-DS	*B, ngày 10 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 289/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ số 061/AĐ1, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B;

- *Bị đơn:* 1. Ông Trần Văn Đ (L), sinh năm 1969; địa chỉ 063/AL, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968 (chết);

3. Chị Trần Thị Ly B (Đ), sinh năm 1988; địa chỉ 063/AL, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C:

1. Ông Trần Văn Đ (L), sinh năm 1969; địa chỉ số 063/AĐ1, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B;

2. Chị Trần Thị Ly B (Đ), sinh năm 1988; địa chỉ 063/AL, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

3. Anh Trần Thái C, sinh năm 2003; địa chỉ 063/AL, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của anh C: Ông Trần Văn Đ (Lọ), sinh năm 1969; địa chỉ số 063/AĐ1, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ôngVõ Văn D, sinh năm 1946; địa chỉ số 061/AĐ1, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Trần Văn Đ (đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 86.000.000đ (tám mươi sáu triệu đồng) vào ngày 01/5/2020.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% (86.000.000đ x 2,5%): ông Trần Văn Đ đồng ý nộp số tiền 2.150.000đ (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi Cục THADS huyện B;*
- *TAND tỉnh B;*
- *Lưu.*

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên